

THỰC TRẠNG RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH THÁI NGUYÊN

Phạm Thanh Hà¹, Hoàng Thị Tâm²

Tóm tắt

Bài viết tập trung vào nghiên cứu hoạt động tín dụng và rủi ro tín dụng tại Vietinbank Thái Nguyên, nhằm mục đích tìm hiểu thực trạng rủi ro tín dụng tại chi nhánh, để từ đó làm cơ sở đưa ra những đánh giá và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tín dụng và công tác phòng ngừa, hạn chế rủi ro tín dụng tại Vietinbank Thái Nguyên. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua việc thu thập, xử lý, so sánh và phân tích số liệu. Kết quả nghiên cứu cho thấy tăng cường hoạt động marketing, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, quản lý và giám sát các hoạt động cho vay chặt chẽ... là những vấn đề cấp thiết và quan trọng để giảm thiểu rủi ro tín dụng của ngân hàng hiện nay. Từ đó, tác giả đưa ra một số giải pháp cho ngân hàng.

Từ khóa: Rủi ro tín dụng, NHTMCP Công Thương, Chi nhánh Thái Nguyên

THE SITUATION OF CREDIT RISK IN VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE - THAI NGUYEN BRANCH

Abstract

This article focuses on credit activities and credit risks in Vietinbank - Thai Nguyen Branch in order to find out the current status of financial risks of the branch and thereby to make an assessment and propose solutions to improve credit quality, prevent and limit credit risks in Vietinbank - Thai Nguyen Branch. This study uses qualitative research methods by means of the collection, processing, comparison and analysis of data. The results of the study show that the enhancement of marketing activities, the improvement of the quality of human resources, the management and supervision of lending activities... are important and urgent issues to reduce the risk of credit activities of the bank. Accordingly, the author proposes a number of solutions for Vietinbank - Thai Nguyen Branch.

Key words: Credit risk, Vietinbank, Thai Nguyen branch.

1. Đặt vấn đề

Cũng như các NHTM khác, hoạt động tín dụng luôn là hoạt động kinh doanh chính của Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Thái Nguyên. Đây là hoạt động tiềm ẩn nhiều rủi ro. Với quy mô hoạt động ngày càng được mở rộng trên địa bàn tỉnh, việc quản lý tới từng phòng giao dịch ngày càng khó khăn, đặc biệt là hoạt động tín dụng. Chính vì thế việc tìm ra những giải pháp để phòng ngừa, hạn chế rủi ro và đem lại lợi nhuận cao từ hoạt động tín dụng đang là vấn đề mà các nhà lãnh đạo của chi nhánh rất quan tâm.

2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập số liệu: Các thông tin thứ cấp được thu thập từ những tài liệu trong và ngoài nước, từ các sách báo, tạp chí chuyên

ngành, các báo cáo tổng kết và các thông tin công khai khác của Vietinbank Thái Nguyên từ 2013-2016.

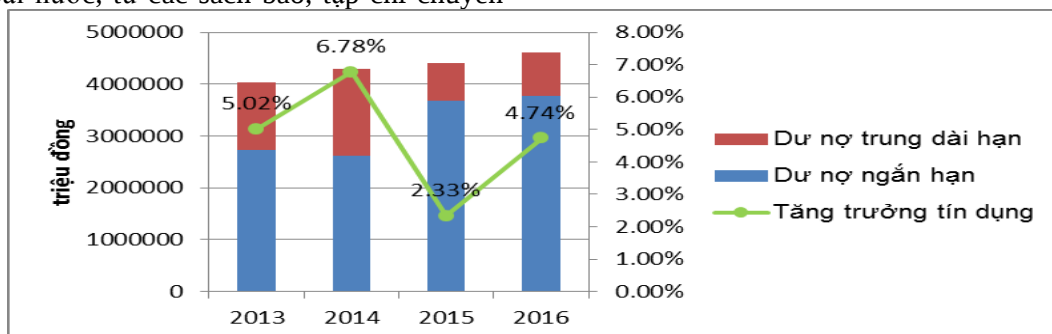
- Phương pháp xử lý số liệu: Số liệu sau khi tập hợp sẽ được xử lý và phân tích thông qua phần mềm Excel.

- Phương pháp so sánh, phân tích: phân tích, đối chiếu các chỉ tiêu có tính chất tương tự nhau đã được lượng hóa theo thời gian, theo loại hình, theo cơ cấu, tỷ lệ và cách phân loại; xem xét tỷ trọng của từng bộ phận trong tổng thể.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng rủi ro tín dụng tại ngân hàng Vietinbank chi nhánh Thái Nguyên qua các năm 2013-2016

3.1.1 Tình hình tăng trưởng tín dụng



Biểu đồ 01: Dư nợ tín dụng phân theo kỳ hạn của Vietinbank Thái Nguyên 2013-2016

Nguồn: Báo cáo điều hành của Vietinbank Thái Nguyên 2013-2016

Nhìn chung dư nợ cho vay từ 2013 – 2016 tăng qua các năm. Năm 2016 dư nợ cho vay tăng 4,7% so với năm 2015, và tăng 7,2% so với năm 2014. Tuy nhiên trong cơ cấu dư nợ chia theo kỳ hạn, các kỳ hạn khác nhau có sự biến động khác nhau. Dư nợ cho vay ngắn hạn năm 2014 giảm

nhẹ so với năm 2013, nhưng đến hết năm 2016, dư nợ ngắn hạn lại tăng lên đáng kể. Ngược lại, dư nợ cho vay trung và dài hạn năm 2014 tăng mạnh so với năm 2013 nhưng đến năm 2015 lại giảm 57,5% so với năm 2014.

Bảng 01: Một số chỉ tiêu tăng trưởng từ năm 2013 đến năm 2016 (Đơn vị: %)

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Tăng trưởng tín dụng Vietinbank TN	5,02	6,78	2,33	4,74
Tăng trưởng tín dụng Vietinbank	13,39	17,95	12,34	18,39
Tăng trưởng GDP	5,42	5,98	6,68	6,21
Tăng trưởng huy động Vietinbank TN	19,35	26,35	3,63	11,3
Tốc độ tăng dư nợ tín dụng Vietinbank TN/ Tốc độ tăng trưởng kinh tế	92.62%	113.38%	34.88%	76.33%

Nguồn: Báo cáo điều hành của Vietinbank Thái Nguyên 2013-2016; Báo cáo thường niên Vietinbank năm 2016; ADB

Qua bảng 01, ta có thể thấy, tốc độ tăng trưởng tín dụng của chi nhánh Thái Nguyên biến động cùng chiều với tăng trưởng tín dụng của toàn hệ thống ngân hàng Vietinbank. Tốc độ tăng trưởng tín dụng của chi nhánh Thái Nguyên trong năm 2015 giảm mạnh so với năm 2013, 2014.

Để đánh giá về tình hình tăng trưởng tín dụng của chi nhánh có đang là tăng trưởng nóng hay không, tác giả sử dụng chỉ tiêu: *Tốc độ tăng dư nợ*

tín dụng/ Tốc độ tăng trưởng kinh tế và Tốc độ tăng dư nợ tín dụng/ Tốc độ tăng huy động.

Hầu hết trong các năm, tốc độ tăng dư nợ tín dụng của chi nhánh Thái Nguyên đều nhỏ hơn tốc độ tăng huy động của chi nhánh và tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Điều này cho thấy, hoạt động tín dụng của chi nhánh không phải tăng trưởng nóng, và ở mức độ khá an toàn.

3.1.2. Cơ cấu tín dụng vào các ngành nghề

Bảng 02: Cơ cấu dư nợ cho vay vào các ngành nghề của Vietinbank Thái Nguyên (Đơn vị: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
DN TM – DV	1.878.294	43,70%	1.798.847	40,9%	1.887.930	40,98%
DN CN – XD	2.321.004	54,00%	2.462.969	56%	2.579.266	55,99%
DN Nông lâm ngư nghiệp	98.857	2,30%	136.343	3,1%	139.219	3,02%
Tổng dư nợ	4.298.155	100%	4.398.159	100%	4.606.415	100%

Nguồn: Báo cáo tổng kết hoạt động tín dụng của Vietinbank Thái Nguyên 2014-2016

Cơ cấu dư nợ cho vay theo danh mục các ngành nghề kinh tế hiện nay tại ngân hàng như sau: Dư nợ thương mại dịch vụ chiếm 40,98%, dư nợ ngành công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp – xây dựng chiếm 55,99% tổng dư nợ. Ngành nông lâm ngư nghiệp có tỷ trọng rất thấp, chỉ là 3,02%. Như vậy, vốn tín dụng của ngân hàng tập trung vào ngành công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp – xây dựng là nhiều nhất. Nguyên nhân là do đặc thù nền kinh tế của tỉnh Thái Nguyên vốn là một tỉnh có nhiều khu công nghiệp trên địa bàn. Do đó, dư nợ cho vay các doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp – xây dựng ngày càng tăng. Tại Vietinbank Thái Nguyên, lượng tiền huy động chủ yếu là tiền gửi ngắn hạn (có kỳ hạn dưới 1 năm). Trong khi đó, đặc thù của ngành công nghiệp – xây dựng cần có vốn đầu tư trung và dài hạn là chủ yếu. Ngân hàng lấy tiền huy

động ngắn hạn để cho vay dài hạn. Điều này sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro cho chi nhánh nếu cơ cấu dư nợ cho vay theo ngành kinh tế không được điều chỉnh một cách hợp lý hơn trong thời gian sắp tới.

3.1.3. Tình hình về nợ quá hạn và nợ xấu

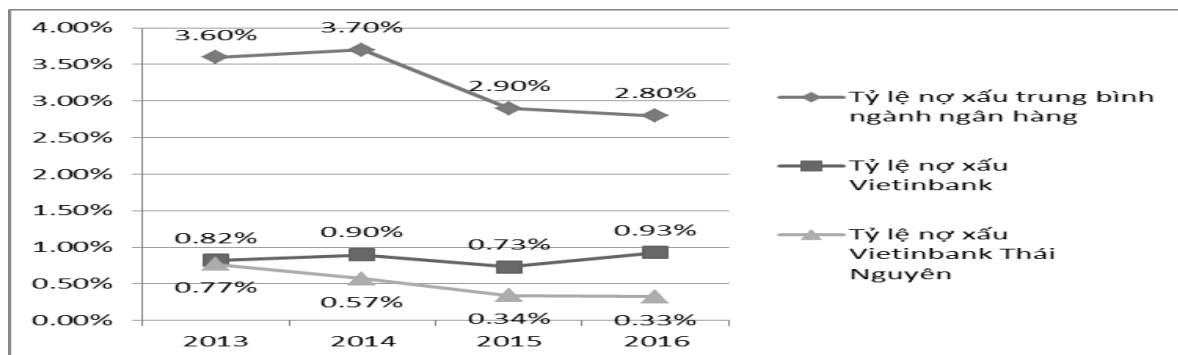
Tỷ lệ nợ quá hạn năm 2015 giảm so với năm 2014 nhưng tới năm 2016, tỷ lệ này lại tăng nhẹ (từ 0,46% năm 2015 lên thành 0,52%).

Từ bảng 03 ta thấy, trong năm 2015, cơ cấu nợ quá hạn đã được cải thiện so với năm 2014. Dư nợ nhóm 5, sau khi thu hồi được một phần từ khách hàng và xử lý bằng dự phòng rủi ro, dư nợ nhóm 5 đã giảm gần 50% so với năm 2014. Tuy nhiên, dư nợ nhóm 5 vẫn chiếm 54% trong tổng nợ quá hạn. Dư nợ nhóm 2 và nhóm 5 tăng cho thấy chi nhánh vẫn còn lỏng lẻo trong khâu kiểm soát và thu hồi nợ sau khi cho vay.

Bảng 03: Cơ cấu dư nợ nội bảng theo nhóm nợ của Vietinbank Thái Nguyên (Đơn vị: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
DN nhóm 1	4.272.843	99,41%	4.377.753	99,54%	4.582.476	99,48%
DN nhóm 2	813	0,02%	5.249	0,12%	8.830	0,19%
DN nhóm 3	3.864	0,09%	2.664	0,06%	3.569	0,08%
DN nhóm 4	0	0%	1.538	0,03%	0	0%
DN nhóm 5	20.635	0,48%	10.955	0,25%	11.540	0,25%
Tổng NQH	25.312	0,59%	20406	0,46%	23.939	0,52%
Tổng dư nợ	4.298.155	100%	4.398.159	100%	4.606.415	100%

Nguồn: Báo cáo tổng kết hoạt động tín dụng của Vietinbank Thái Nguyên 2014-2016



Biểu đồ 02: Tỷ lệ nợ xấu của Vietinbank Thái Nguyên, toàn hệ thống Vietinbank và trung bình ngành ngân hàng năm 2013-2016

Nguồn: Báo cáo tổng kết hoạt động tín dụng của Vietinbank Thái Nguyên 2014-2016, Báo cáo thường niên năm 2016 của Vietinbank, Ủy ban giám sát tài chính quốc gia

Có thể thấy rằng, trong giai đoạn 2013 – 2016, tỷ lệ nợ xấu của Vietinbank Thái Nguyên có xu hướng giảm qua các năm. Cụ thể: năm 2013 tỷ lệ nợ xấu cầu chi nhánh là 0,77%, năm 2016 giảm xuống chỉ còn 0,33%. Nhìn vào biểu đồ 02, tỷ lệ nợ xấu của chi nhánh tương đối thấp so với toàn hệ thống và toàn ngành. Điều này cho thấy hoạt động kiểm soát nợ xấu của chi nhánh là tương đối tốt.

3.1.4. Trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng

Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng của Vietinbank Thái Nguyên qua các năm, xấp xỉ ở mức 1%. Mức trích lập này của chi nhánh là khá phù hợp với thực trạng kinh doanh của chi nhánh. Số tiền trích lập dự phòng cao hơn tổng nợ quá hạn chi nhánh trong giai đoạn 2014-2016. Điều này cho thấy, rủi ro thanh khoản hoặc rủi ro mất vốn mà ngân hàng gặp phải là rất nhỏ

Bảng 04: Tình hình trích lập DPRR tại Vietinbank Thái Nguyên (Đơn vị: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Tổng dư nợ	4.298.155	4.398.159	4.606.415
Số tiền trích lập dự phòng	51.765	34.711	50.670
Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng	1,20%	0,79%	1,10%

Nguồn: Báo cáo tổng kết năm 2014, 2015, 2016 của Vietinbank Thái Nguyên

3.2. Đánh giá thực trạng rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Thái Nguyên

3.2.1. Những kết quả đạt được

Trong những năm vừa qua, Vietinbank Thái Nguyên đã thực hiện tương đối tốt quy trình quản lý tín dụng, duy trì được tốc độ tăng trưởng tín dụng hàng năm. Cụ thể những mặt đạt được như sau

Thứ nhất, mức tăng trưởng dư nợ tín dụng ổn định, đáp ứng được các nhu cầu vốn của nền kinh tế. Đến hết năm 2016 dư nợ đạt 4.606.415 triệu đồng, mức tăng trưởng tín dụng so với năm 2015

tăng trưởng 4,74%%, so với năm 2014 tăng trưởng 7,17%%. Hoạt động tín dụng tương đối an toàn, hiệu quả, chất lượng tín dụng được quan tâm đúng mức, đạt được mục tiêu hoạt động bền vững, an toàn vốn và sinh lời.

Thứ hai, tỷ lệ nợ xấu được duy trì ở mức thấp dưới 1%. Điều này phản ánh chất lượng hoạt động tín dụng của chi nhánh tương đối tốt.

Thứ ba, việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của chi nhánh được thực hiện một cách nghiêm túc, đảm bảo an toàn cho hoạt động của chi

nhánh. Số tiền trích lập dự phòng cao hơn tổng nợ quá hạn chi nhánh.

3.2.2. Những hạn chế

Thứ nhất, tăng trưởng tín dụng còn ở mức thấp so với tăng trưởng tín dụng của toàn hệ thống Vietinbank, và thấp hơn nhiều so với mức tăng huy động của chi nhánh. Điều này chứng tỏ hoạt động kinh doanh của chi nhánh chưa thực sự hiệu quả.

Thứ hai, cơ cấu nợ quá hạn còn nhiều điểm đáng lưu ý khi tỷ lệ dư nợ nhóm 5 đang chiếm chủ yếu, dư nợ nhóm 2 tiếp tục tăng so với các năm trước đó.

Thứ ba, cơ cấu tín dụng còn tập trung nhiều vào ngành công nghiệp - xây dựng tiềm ẩn nhiều rủi ro cho chi nhánh.

Thứ tư, còn một số thiếu sót trong quản lý rủi ro để phân loại các khoản vay theo mức độ rủi ro, xây dựng giới hạn tín dụng đối với từng khách hàng, nhóm khách hàng, ngành kinh tế, khu vực và xử lý các khoản vay có vấn đề.

3.2.3. Nguyên nhân của những hạn chế

- Hoạt động marketing của chi nhánh còn nhiều hạn chế so với các chi nhánh ngân hàng khác trên địa bàn khiến cho các đối tượng khách hàng chưa biết nhiều đến các sản phẩm cho vay của ngân hàng, dẫn tới dư nợ cho vay chưa tương xứng với tiềm năng của chi nhánh.

- CBTD tại chi nhánh chưa thực hiện hết trách nhiệm của mình trong việc đôn đốc, nhắc nhở khách hàng trả lãi đúng hạn. CBTD còn hạn chế về mặt kiến thức và kinh nghiệm trong việc phân tích ngành nghề, làm ảnh hưởng đến hiệu quả thẩm định tín dụng.

- Chi nhánh là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Thái Nguyên, đã xây dựng mối quan hệ lâu năm với rất nhiều các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn tỉnh do đó dư nợ cho vay công nghiệp – xây dựng chiếm phần lớn. Ngoài ra do sự chỉ đạo từ cấp trên, ban lãnh đạo chưa có một kế hoạch cụ thể để chuyển đổi cơ cấu tín dụng theo ngành nghề một cách hợp lý hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Minh Kiều. (2014). *Tín dụng và thẩm định tín dụng*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tài chính.
- [2]. Nguyễn Văn Tiến. (2015). *Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê.
- [3]. Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. (2016). *Báo cáo thường niên năm 2016*. Thái Nguyên.
- [4]. Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên. (2013, 2014, 2015, 2016). *Báo cáo điều hành*. Thái Nguyên.
- [5]. Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên. (2014, 2015, 2016). *Báo cáo tổng kết hoạt động tín dụng*. Thái Nguyên.
- [6]. Ủy ban giám sát tài chính quốc gia. (2016). *Báo cáo Tổng quan Thị trường tài chính 2016*. Hà Nội.

Thông tin tác giả:

1. Phạm Thanh Hà, Thạc sĩ

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & QTKD

- Địa chỉ email: Thanhhatueba@gmail.com

2. Hoàng Thị Tâm, Cử nhân

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & QTKD

3.3. Các giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng và hạn chế rủi ro tại Vietinbank Thái Nguyên

Tăng cường hoạt động marketing để thu hút thêm nhiều đối tượng khách hàng hơn, đặc biệt là khách hàng cá nhân, các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Cần xây dựng kế hoạch thu hồi nợ xấu, nợ đã xử lý rủi ro trong toàn chi nhánh theo quý; giao chỉ tiêu thu hồi nợ xấu, nợ đã xử lý rủi ro cho các chi nhánh.

Cần tiếp tục nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn, kiến thức kinh tế tổng hợp, kiến thức pháp luật cho đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ tín dụng.

Ban lãnh đạo phải có kế hoạch dài hạn trong việc chuyển đổi cơ cấu tín dụng vào các ngành nghề, đặt mục tiêu cụ thể về cơ cấu tín dụng trong từng giai đoạn và quyết tâm thực hiện. Các phòng giao dịch tại các huyện cần chú trọng hơn đến đối tượng khách hàng làm nông nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp sản xuất chè.

Nâng cao chất lượng công tác thẩm định khách hàng và phương án, dự án sản xuất kinh doanh. Tăng cường hoạt động giám sát sau giải ngân, nhắc nhở khách hàng trong việc trả lãi đúng hạn.

Ban lãnh đạo phải chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra hoạt động tín dụng chia nhỏ theo các chuyên đề như: kiểm tra cho vay doanh nghiệp, kiểm tra cho vay theo hạn mức tín dụng, kiểm tra cho vay có bảo đảm bằng tài sản, kiểm tra cho vay cầm cố và giấy tờ có giá...

4. Kết luận

Quy mô hoạt động tín dụng ngày càng mở rộng, bởi thế mà RRTD trong hoạt động cho vay của ngân hàng là không thể tránh khỏi. Trên cơ sở phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động tín dụng và rủi ro tín dụng tại Vietinbank Thái Nguyên, tác giả đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng và hạn chế rủi ro tín dụng tại chi nhánh. Trong thời gian tới ngân hàng cần nghiên cứu và tìm ra các biện pháp mới để có thể giảm thiểu rủi ro.